

Số: /2024/QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024
đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 4, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài sản có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC

ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài sản có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 20/TTr-STC ngày 20 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang:

1. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản kim loại (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định).

2. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định).

3. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên (chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Quyết định).

4. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên (chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định).

Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các khoản chi phí khai thác, chi phí vận chuyển theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế tài nguyên và được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình thi hành nếu phát sinh loại tài nguyên mới chưa được quy định trong Quyết định này hoặc giá tài nguyên phổ biến trên thị trường có biến động tăng hoặc giảm 20% so với giá trong Quyết định này nhưng không ngoài Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành thì có văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên, gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cục Thuế tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp thuế tài nguyên theo quy định tại Quyết định này. Trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp mới bán ra thì có văn bản đề nghị, kèm theo phương án xác định chi phí chế biến được trừ của đơn vị khai thác tài nguyên, gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan để thống nhất xác định giá tính thuế tài nguyên, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3, Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Cục Khoáng sản Việt Nam - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng, đơn vị trực thuộc;
 - + TTTT;
 - + Lưu: VT, KTTH_{Trung}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thế Tuấn